

Số: /SCT-QLTM

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về ATTP đối với cơ sở sản xuất kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các cơ sở sản xuất kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh.

Thời gian qua, các cơ sở sản xuất, kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh đã chủ động thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh kẹo Cu Đơ. Tuy nhiên, qua theo dõi, kiểm tra, giám sát vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần sớm được khắc phục và hoàn thiện. Để hoạt động sản xuất, kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh đảm bảo an toàn thực phẩm và thực hiện đúng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh, Sở Công Thương hướng dẫn một số nội dung như sau:

I. HƯỚNG DẪN HOÀN THIỆN HỒ SƠ ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cần thực hiện một số thủ tục:

1. Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm¹, gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a (đính kèm tại phụ lục I);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh), (có các mẫu đính kèm tại Phụ lục I);
- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

¹Đối với các cơ sở mới thành lập hoặc đối với các cơ sở được cấp giấy chứng nhận từ tháng 01/2022 trở về trước hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ các trường hợp quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP

đ) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở (có mẫu 01 và mẫu 02 đính kèm tại Phụ lục III).

2. Thực hiện công bố sản phẩm theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Hồ sơ tự công bố sản phẩm bao gồm:

- Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 (đính kèm tại Phụ lục II);
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025.

b) Chủ cơ sở tự công bố sản phẩm thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, khoản 2 Điều 1 và khoản 1 Điều 3 Nghị định 155/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau: Chủ cơ sở tự công bố sản phẩm trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của mình hoặc niêm yết công khai tại trụ sở của tổ chức, cá nhân và công bố trên hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm.

Trong trường hợp Chủ cơ sở chưa có hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân nộp 01 bản qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Sở Công Thương để lưu trữ hồ sơ và đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương.

3. Xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BCT:

a) Chủ cơ sở điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 01 và Mẫu 02 (đính kèm tại Phụ lục III).

b) Việc xác nhận kiến thức phải căn cứ Bộ câu hỏi kiểm tra và đáp án trả lời để đánh giá kiến thức về ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm được ban hành tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ câu hỏi gồm có 02 phần: kiến thức chung 60 câu, kiến thức chuyên ngành 40 câu. Chủ cơ sở có trách nhiệm chọn ngẫu nhiên 30 câu hỏi (gồm 20 câu thuộc kiến thức chung và 10 câu thuộc kiến thức chuyên ngành) trong bộ câu hỏi để kiểm tra và đánh giá kiến thức về ATTP cho phù hợp với đối tượng là cơ sở sản xuất kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh. Thời gian kiểm tra để xác nhận kiến thức về ATTP là 45 phút. Thời hạn của Giấy xác nhận kiến thức về ATTP là 3 năm.

II. Thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh (từ Điều 4 đến Điều 7), cụ thể như sau:

1. Yêu cầu đối với nguyên liệu (Điều 4 Quyết định số 35/QĐ-UBND)

Các nguyên liệu dùng để sản xuất sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đáp ứng các quy định sau:

a) Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

b) Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

c) QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

d) QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

e) Ngoài ra đối với nguyên liệu Lạc phải đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn TCVN 2383:2008 - Lạc.

2. Yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ (Điều 5 Quyết định số 35/QĐ-UBND), gồm:

a) Chỉ tiêu cảm quan

TT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu cảm quan	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Hình dạng bên ngoài	Kẹo có hình tròn theo khuôn mẫu hoặc có hình dạng khác, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹo trong cùng một gói tương đối đồng đều.	TCVN 4068:1985	B
2	Màu sắc	- Bên ngoài: Lớp bánh trắng có màu trắng ngà lẫn đen (hoặc vàng nhạt) của hạt vừng. - Bên trong: Màu nâu.		
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm; vị ngọt; không có mùi, vị lạ.		
4	Trạng thái	- Bên ngoài: Lớp vỏ giòn. - Bên trong: dẻo, dai.		

b) Chỉ tiêu lý - hóa

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Độ ẩm	%	5 - 6,5	TCVN 4069:2009	B
2	Hàm lượng đường khử, tính theo glucoza	%	12 - 18,5	TCVN 4075:2009	B
3	Hàm lượng đường tổng số, tính theo sacaroza	%	≥ 30	TCVN 4074:2009	B
4	Hàm lượng tro không tan trong dung dịch axit clohydric 10 %	%	≤ 0,05	TCVN 4071:2009	B

c) Chỉ tiêu kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1	TCVN 8126:2009	A
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	TCVN 8126:2009	A

d) Chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	TCVN 4884-1:2015	A
2	Coliforms	CFU/g	10	TCVN 6848:2007	A
3	E.coli	MPN/g	3	TCVN 7924-2:2008	A
4	S.aureus	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005	A
5	Cl. Perfringens	CFU/g	10	TCVN 4991:2005	A
6	B.cereus	CFU/g	10	TCVN 4992:2005	A
7	Tổng số bào tử nấm men mốc	CFU/g	10 ²	TCVN 8275-2:2010	A

đ) Chỉ tiêu độc tố vi nấm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Aflatoxin B1	µg/kg	8	AOAC 991.31 (2012)	A
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15	AOAC 991.31 (2012)	A
3	Ochratoxin A	µg/kg	3	AOAC 2000.09	A

e) Phụ gia thực phẩm (chỉ tiêu loại A): sử dụng các loại phụ gia thực phẩm và mức giới hạn tối đa quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; và các phụ gia khác được quy định tại các QCVN có liên quan.

3. Lấy mẫu và phương pháp thử (Điều 6 Quyết định số 35/QĐ-UBND)

a) Lấy mẫu: theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18/01/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

b) Phương pháp thử: các chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm trong Quy chuẩn được thử theo các phương pháp nêu tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương Kèo Cu Đơ Hà Tĩnh (các phương pháp này không bắt buộc áp dụng, có thể sử dụng các phương pháp thử khác có độ chính xác cao hơn hoặc tương đương). Trường hợp nếu có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện thì sử dụng

các phương pháp thử nêu tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh làm phương pháp trọng tài.

4. Bao gói, ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR (Điều 7 Quyết định số 35/QĐ-UBND)

a) Bao gói: vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

b) Ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

- Ghi nhãn

+ Yêu cầu chung: việc ghi nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Vị trí nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.

+ Nội dung nhãn hàng hóa: nội dung ghi nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải bao gồm các thông tin sau đây (ghi đầy đủ thông tin):

Tên hàng hóa: “Kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh”;

Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:.....;

Xuất xứ:.....;

Định lượng:..... (trọng lượng tịnh/trọng lượng cả bì);

Ngày sản xuất:.....;

Hạn sử dụng:.....;

Thành phần hoặc thành phần định lượng:.....;

Thông tin cảnh báo:.....;

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:.....

- Thể hiện dấu hợp quy CR

+ Dấu hợp quy CR phải được thể hiện một cách rõ ràng, dễ nhận biết, được in trực tiếp trên nhãn hàng hóa hoặc in trên chất liệu không thấm nước gắn trên bao gói và không bị bong, rách, mờ trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

+ Hình dạng và kích thước của dấu hợp quy CR theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

+ Dấu hợp quy CR phải được thể hiện kèm theo thông tin về số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh.

III. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh, yêu cầu các chủ cơ sở tiếp tục duy trì, hoàn thiện các điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh

trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nông công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh nghiêm thực hiện các nội dung hướng dẫn nêu trên và các quy định khác của pháp luật có liên qua. Trường hợp các cơ sở không đáp ứng các quy định hiện hành, yêu cầu các cơ sở chấm dứt hoạt động đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Kính đề nghị UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh kịp thời thực hiện theo hướng dẫn của Văn bản này. Xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các cơ sở sản xuất, kinh doanh kẹo Cu Đơ không đảm bảo theo quy định hiện hành.

(thông tin chi tiết xin liên hệ ông Võ Hữu Nam Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương, SĐT: 0888.578.886).

Sở Công Thương kính đề nghị các địa phương, đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Tá Nghĩa

Phụ lục I.**Các biểu mẫu trong hồ sơ đề nghị cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều an toàn thực phẩm****Mẫu số 01a****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày ... tháng ... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Sở Công Thương/UBND cấp huyện.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa điểm tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): sản xuất kẹo Cu Đơ.

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh^{1,2}
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2): Danh sách nhóm sản phẩm

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bánh, mứt, kẹo	Kẹo Cu Đơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:.....
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất..... m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:.....
- Kết cấu nhà xưởng:.....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:.....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					

4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Hà Tĩnh, ngày... tháng... năm....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên:.....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:.....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:.....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:.....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận					

	chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Hà Tĩnh, ngày... tháng... năm ...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II.**Các biểu mẫu hồ sơ tự công bố sản phẩm kẹo Cu Đơ****Mẫu số 01****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số:/Tên doanh nghiệp/Năm công bố

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:
..... (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều
kiện an toàn thực phẩm theo quy định)**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số.....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Tĩnh, ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III.**Các biểu mẫu xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm****Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm**

TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC
 VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;...(tên đơn vị xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Hà Tĩnh, ngày.....tháng năm
CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN
(ký tên/ đóng dấu)

Mẫu 02. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
(Đối với tập thể)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định số 1390/QĐ-BTC ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ Công thương về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công thương.

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: cấp ngày: nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng.... năm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Hà Tĩnh, ngày.....tháng năm.....

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/đóng dấu)

